TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 10 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mạc Hoàng Nhủ.

Ông Vũ Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2019, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Văn S, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi ĐKHKTT: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh C.

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cu.

Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2019 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, ông Đặng Văn S trình bày:

Vào năm 2005, ông (Đặng Văn S) và bà Lê Thị N chung sống với nhau như vợ

chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C vào ngày 04/8/2017. Quá trình chung sống với nhau thời gian đầu vợ chồng rất hạnh phúc, sau một quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, không thể tiếp tục cuộc sống chung. Hiện ông và bà Lê Thị N không còn chung sống với nhau hơn 9 tháng nay mà không thể tự hòa giải, tự hàn gắn. Ông nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị N. Về con chung có 02 người tên là Đặng Nguyên C (giới tính nam) sinh ngày 01/12/2005 và Đặng Trường G (giới tính nam) sinh ngày 13/12/2008. Hiện con chung đang do bà Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông đồng ý giao 02 người con chung cho bà Lê Thị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận, về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 14/102/2019 và tại phiên tòa, bị đơn là bà Lê Thị N trình bày:

Về hôn nhân, về thời gian chung sống, việc có đăng ký kết hôn là đúng như ông Sơn trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì không có gì lớn, chỉ do gia đình bên bà và ông Sơn mâu thuẫn về tiền bạc từ đó vợ chồng có lời qua tiếng lại. Bà muốn biết bà sai ở phần nào thì ông Sơn phải nói lý do để bà sửa đổi nhưng ông Sơn không nói gì tới bà, dọn đồ đạc cá nhân ra thuê nhà ở riêng từ Tết nguyên đán cho đến nay. Khi về nhà ông Sơn vẫn không nói chuyện gì đến bà, tuy nhiên bà vẫn còn tình thương với ông Sơn nên bà không đồng ý ly hôn. Về con chung đúng như ông Sơn trình bày, có 02 người tên là Đặng Nguyên C (giới tính nam) sinh ngày 01/12/2005 và Đặng Trường G (giới tính nam) sinh ngày 13/12/2008. Hiện con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Sơn giao 02 người con chung cho bà tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng bà đồng ý. Về cấp dưỡng, bà không yêu cầu ông Sơn cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận, về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cu xác định: Từ trước đến nay ông Đặng Văn S và bà Lê Thị N không có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã hòa giải mâu thuẫn gia đình do đó không rõ nguyên nhân nào dẫn đến việc ông Đặng Văn S yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị N.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, chấp hành pháp luật của của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho ông Đặng Văn S ly hôn với bà Lê Thị N. Về con chung giao cho bà Lê Thị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đặng Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Buộc ông Đặng Văn S chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ông Đặng Văn S yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà Lê Thị N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét về hôn nhân, ông Đặng Văn S và bà Lê Thị N chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C chứng nhận kết hôn vào ngày 04/8/2017. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân giữa ông Đặng Văn S và bà Lê Thị N được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Về mâu thuẫn, ông Đặng Văn S xác định trong quá trình chung sống với nhau thời gian đầu vợ chồng rất hạnh phúc, sau một quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, không thể tự hòa giải hàn gắn và không thể tiếp tục cuộc sống chung nên ông cương quyết yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị N. Bà Lê Thị N thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn thì không có gì lớn, chỉ do gia đình bên bà và ông Sơn mâu thuẫn về tiền bạc từ đó vợ chồng có lời qua tiếng lại. Bà muốn biết bà sai ở phần nào thì ông Sơn phải nói lý do để bà sửa đổi nhưng ông Sơn không nói gì tới bà, dọn đồ đạc cá nhân ra thuê nhà ở riêng từ Tết nguyên đán cho đến nay. Khi về nhà ông Sơn vẫn không nói chuyện gì đến bà, tuy nhiên bà vẫn còn tình thương với ông Sơn nên bà không đồng ý ly hôn. Hiện cả hai người không còn chung sống với nhau hơn 9 tháng nay mà không thể tự hòa giải, tự hàn gắn. Xét thấy, hôn nhân giữa ông Đặng Văn S và bà Lê Thị N đã và đang trong tình trạng trầm trọng do đó yêu cầu ly hôn của ông Đặng Văn S là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về con chung: Ông Đặng Văn S và bà Lê Thị N xác định cả hai có với nhau 02 người tên là Đặng Nguyên C (giới tính nam) sinh ngày 01/12/2005 và Đặng Trường G (giới tính nam) sinh ngày 13/12/2008. Hiện con chung đang do bà Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đặng Văn S giao 02 người con chung cho bà Lê Thị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đặng Văn S không cấp dưỡng. Bà Lê Thị N thống nhất tiếp tục trực tiếp nuôi cả 02 người con chung, không yêu cầu ông Đặng Văn S phải cấp dưỡng nuôi con. Mặc khác, con chung là Đặng Trường G và Đặng Nguyện Chương đều chưa thành niên có nguyện vọng muốn chung sống cùng với mẹ khi Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn điều này phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, cần thiết ghi nhận sự thỏa thuận này. Ông Đặng Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự yêu cầu được tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Đặng Văn S phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Đặng Văn S ly hôn với và bà Lê Thị N.

2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

Giao cho bà Lê Thị N chịu trách nhiệm nuôi dưỡng Đặng Nguyên C (giới tính nam) sinh ngày 01/12/2005 và Đặng Trường G (giới tính nam) sinh ngày 13/12/2008 cho đến khi Đặng Nguyên C và Đặng Trường G đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Đặng Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị N về việc không yêu cầu ông Đặng Văn S cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đặng Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Đặng Văn S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Đặng Văn S đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019278, ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- UBND xã P, huyện P, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Phước